TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06 / 7 / 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhân;

2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về "*tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1997, nơi cư trú: Tuyến dân cư C, ấp P, xã H, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ H, khóm P, phường C, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị P có mặt, ông Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Bà P và ông Q tự quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Q thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến

gia đình và nhiều lần dùng bạo lực với bà P. Hôn nhân không hạnh phúc, bà P yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn Chí T sinh ngày 29/4/2011 và Lê Văn Chí H, sinh ngày 07/5/2013. Bà P giao 02 con cho ông Q nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của ông Q nhận thay và cam kết thông báo lại cho ông Q biết nhưng ông Q vẫn không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa

- Ý kiến nguyên đơn: Bà Trần Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Q và xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Q chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn tại xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà P trình bày nguyên nhân bà P xin ly hôn với ông Q là ông Q thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và dùng bạo lực với bà P nên bà P xin ly hôn với ông Q. Ông Q biết được bà P xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án. Điều đó thấy rằng ông Q không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà P.

Về con chung: Bà P, ông Q có 02 con chung tên Lê Văn Chí T sinh ngày 29/4/2011 và Lê Văn Chí H, sinh ngày 07/5/2013. Con chung hiện do ông Q đang nuôi dạy và bà P có yêu cầu giao 02 cháu cho ông Q tiếp tục nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu

của nguyên đơn, giao 02 con chung cho ông Q tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Q. Đồng thời, ông Q cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Văn Q được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Đối với quan hệ hôn nhân, bà P, ông Q chung sống như vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang vào ngày 11/8/2015 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo bà P trình bày nguyên nhân bà P yêu cầu ly hôn với ông Q là do ông Q thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, có hành vi bạo lực với bà P và vợ chồng đã không còn sống chung.

Tòa án tiến hành xác minh, được đại diện khóm P, phường C, thành phố Châu Đốc cho biết không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng P, Q nhưng bà P đã bỏ nhà đi và không còn sống chung với ông Q từ năm 2017 đến nay.

Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh tại nơi làm việc của bà P và được biết vào khoảng tháng 8/2017, ông Q có đến quán Hủ tiếu nam vang nơi bà P làm thuê để tìm bà P và có hành vi la mắng, chửi bới nhân viên làm chung với bà P vì ông Q cho rằng người này đã dẫn bà P đi chơi nên làm vợ chồng P, Q phát sinh mâu thuẫn.

Bên cạnh đó, Tòa án ghi nhận ý kiến của bà Lê Thị L là mẹ ruột và cùng nơi cư trú với ông Q cho biết trong thời gian chung sống, vợ chồng P, Q không xảy ra mâu thuẫn, P làm thuê cho quán Hủ tiếu nam vang và đến khoảng tháng

4/2017 thì không rõ nguyên nhân bà P bỏ nhà đi cho đến nay. Do đó, ông Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Tại phiên tòa, bà P cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2017 và bà có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên để xin ly hôn với ông Q nhưng ông Q không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên bà P rút lại đơn khởi kiện để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn tình cảm. Qua thời gian sống xa cách, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà P tiếp tục khởi kiện xin ly hôn với ông Q.

Ông Q biết được bà P nhiều lần gửi đơn đến Tòa án để ly hôn nhưng vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia hòa giải. Từ đó thấy rằng, ông Q không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng, hôn nhân của bà P, ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông Q.

[2] Về con chung, bà P xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn Chí T sinh ngày 29/4/2011 và Lê Văn Chí H, sinh ngày 07/5/2013, hiện do ông Q đang nuôi dạy. Cháu T đã đủ 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định và cho anh em có thể gắn kết với nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của con chung và yêu cầu của nguyên đơn, xét giao cho ông Q được tiếp tục nuôi dạy con chung cho đến tuổi trưởng thành.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà P yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết. Đối với ông Q, do ông Q vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp lời khai cho Tòa án nên trường hợp sau này ông Q có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án P hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà P phải chịu 300.000 đồng án P hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà P đã nộp. Ông Q không phải chịu án P hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P, lệ P Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Lê Văn Q.

Về con chung: Ông Lê Văn Q được nuôi dạy 02 con chung tên Lê Văn Chí T sinh ngày 29/4/2011 và Lê Văn Chí H, sinh ngày 07/5/2013 cho đến tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị P không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Vì L ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án P hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị P phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án P hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án P hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0015127 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà P đã nộp đủ án P.

Ông Lê Văn Q không phải chịu án P hôn nhân sơ thẩm.

Bà Trần Thị P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền